

Số: 102/KH- THCS CZ

Chà Vài, ngày 15 tháng 6 năm 2023

CHIẾN LƯỢC
PHÁT TRIỂN GIÁO DỤC NHÀ TRƯỜNG NĂM HỌC 2023 - 2024
VÀ TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2028

Căn cứ Luật Giáo dục số 43/2019/QH14 ngày 14 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Nghị quyết số 88/2014/QH13 ngày 28/11/2014 của Quốc hội về Đổi mới chương trình, Sách giáo khoa giáo dục phổ thông;

Căn cứ Thông tư số 32/2020/TT-BGDĐT, ngày 15/9/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học;

Căn cứ Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018 của Bộ GDĐT về ban hành CTGDPT;

Căn cứ Thông tư 13/2020/TT-BGDĐT ngày 26 tháng 5 năm 2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo, ban hành Quy định tiêu chuẩn cơ sở vật chất các trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học.

Căn cứ Thông tư 16/2017/TT- BGDĐT ngày 12 tháng 7 năm 2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Hướng dẫn danh mục khung vị trí việc làm và định mức số lượng người làm việc trong các cơ sở giáo dục phổ thông công lập;

Căn cứ vào tình hình thực tế của địa phương, nhà trường.

Trường PTDTBT THCS cụm xã Chà Vài – Zuôi ch xây dựng Chiến lược phát triển giáo dục nhà trường năm học 2023 – 2024 và tầm nhìn đến năm 2028, như sau:

I. ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH:

Trường Trung học cơ sở cụm xã ChàVài - Zuôi ch được thành lập theo Quyết định số 118/QĐ-UB ngày 27 tháng 8 năm 2002 và được chuyển đổi thành trường Phổ thông dân tộc bán trú Trung học cơ sở cụm xã ChàVài - Zuôi ch theo Quyết định số 35/QĐ-UBND ngày 13 tháng 01 năm 2011 của UBND huyện Nam Giang.

Trường có một cơ sở đóng tại thôn ABát, xã Chà Vài, huyện Nam Giang, thuộc vùng miền núi cao đặc biệt khó khăn, cách Thị trấn Thạnh Mỹ 60 km về phía Tây, là xã trung tâm kinh tế, văn hóa của 8 xã vùng cao của huyện và tương lai gần sẽ là khu kinh tế Cửa khẩu quốc tế Nam Giang. Học sinh của trường gần 95% là con em đồng bào dân tộc thiểu số gồm 08 thôn thuộc hai xã Chà Vài và Zuôi ch, trong đó, học sinh bán trú hằng năm luôn chiếm tỉ lệ 60-70% tổng số học sinh.

Nhiệm vụ chính của nhà trường là tổ chức các hoạt động giảng dạy, giáo dục và nuôi dưỡng học sinh người dân tộc thiểu số vùng đặc biệt khó khăn, tạo nguồn nhân lực cho địa phương. Cùng với địa phương hoàn thành tốt tiêu chí số 5 và Tiêu chí số 14 của Chương trình xây dựng nông thôn mới.

Cùng với kết quả xây dựng và được công nhận là trường đạt chuẩn Quốc gia theo Quyết định số 1367/QĐ-SGDĐT, ngày 27/11/2018 của Sở Giáo dục và Đào tạo Quảng Nam, trong các năm gần đây, trường đã được đầu tư xây dựng kiên cố, khang trang, với tổng diện tích 10.800m² gồm có 08 phòng học; 01 nhà thi đấu đa năng; 04 phòng học bộ môn; 16 phòng ở cho học sinh bán trú và khu hành chính với đầy đủ các phòng làm việc, sinh hoạt, sân chơi bãi tập đảm bảo phục vụ cho công tác dạy và học, trang thiết bị cơ bản đáp ứng với yêu cầu nhiệm vụ, thu hút học sinh đến trường.

Trải qua gần 20 năm thành lập và hoạt động, nhà trường đã hoàn thành tốt nhiệm vụ nâng cao dân trí, đào tạo nhân lực cho địa phương, hoàn thành và duy trì ổn định công tác phổ cập giáo dục THCS từ năm 2006 đến nay.

Việc xây dựng Chiến lược phát triển giáo dục nhà trường năm học 2023 – 2024 và tầm nhìn 2028 có một ý nghĩa rất quan trọng trong việc thực hiện đổi mới căn bản toàn diện GD&ĐT, định hướng tầm nhìn lâu dài, khẳng định được các giá trị cốt lõi, xác định được sứ mệnh của nhà trường đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế xã hội của địa phương nói riêng; góp phần cho ngành Giáo dục & Đào tạo huyện phát triển ổn định, bền vững, chất lượng và hoàn thành các chỉ tiêu kinh tế-xã hội theo Nghị quyết Đại hội Đảng bộ nhiệm kỳ 2020-2025 toàn huyện nhà nói chung.

II. PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG TÁC ĐỘNG ĐẾN VIỆC XÂY DỰNG CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN NHÀ TRƯỜNG

1. Môi trường bên trong:

1.1. Đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên:

Thời gian		Tổng số	Số lượng	Nữ	Thạc sỹ	Đại học	Cao đẳng	Đảng Viên
Tháng 5 năm 2023	Quản lý	32	2	0	0	2	0	2
	TPT		1	0	0	1	0	1
	Giáo viên		17	12	0	16	1	9
	Nhân viên		12	8	0	2	1	3

1.2. Cơ cấu tổ chức:

	Số lượng	Trình độ Trên chuẩn	Trình độ chuẩn	Đảng viên
Tổ chuyên môn KH Tự nhiên	11	/	11	06
Tổ chuyên môn KH Xã hội	12	/	11	06
Tổ Văn phòng	12	/	05	03

1.3. Học sinh:

Chỉ số	Năm học 2018-2019	Năm học 2019-2020	Năm học 2020-2021	Năm học 2021-2022	Năm học 2022-2023
Tổng số HS/lớp	289/8	294/8	292/8	308/8	307/8
- Khối lớp 6	81	77	76	75	79
- Khối lớp 7	61	80	77	77	74
- Khối lớp 8	77	60	80	77	78
- Khối lớp 9	70	77	59	79	76
Nữ	153	163	155	148	133
Dân tộc	271	279	276	298	289
Tuyển mới	81	77	76	75	79
Lưu ban	1	1	1	1	1
Bỏ học	1	2	/	0	1
Học 2 buổi/ngày	289	294	292	308	307
Bán trú	188	194	189	200	205
Tỷ lệ bình quân HS/lớp	36.1	36,8	36,5	38,5	38,4
Tỉ lệ HS TN THCS/HT chương trình L9	100%	100%	96,6%	98.7%	98.7%
Tỉ lệ HS tăng tự nhiên hằng năm		1,7%	-0,68%	4,8%	-0,32%

1.4. Chất lượng giáo dục:

Năm học	Học lực, học tập (%)					Hạng kiểm, rèn luyện (%)			Ghi chú
	Giỏi	Khá	TB	Yếu	Kém	Tốt	Khá	TB	
2018-2019	4,9	29,9	60,1	4,5	0,7	71,5	19,8	8,7	
2019-2020	4,8	32,3	58,5	4,4	/	83,7	11,2	5,1	
2020-2021	6,5	38,4	52,4	2,1	0,7	77,4	17,8	4,8	
2021-2022	5,8	30,5	59,4	4,2	/	82,5	11,7	5,8	
2022-2023	5,5	31,6	58,6	3,6	0,3	77,5	17,9	4,6	

1.5. Cơ sở vật chất:

TT	Danh mục	Số lượng	Ghi chú
01	Phòng học văn hóa, bộ môn	10	
02	Thư viện	01	
03	Phòng thiết bị	02	
04	Phòng làm việc	08	
05	Phòng họp	02	
06	Nhà công vụ giáo viên	06	
07	Nhà bán trú học sinh	16	
08	Nhà bếp, nhà ăn học sinh	01	
09	Nhà để xe giáo viên, học sinh	02	
10	Nhà vệ sinh dung chung	02	
11	Máy tính làm việc (kèm theo máy in)	05	
12	Máy tính dạy học cho học sinh	20	
13	Máy chiếu Projeter	01	
14	Ti vi màn hình lớn	10	
15	Bảng tương tác	02	

1.6. Điểm mạnh:

CBGVNV nhà trường là một tập thể đoàn kết, xây dựng kế hoạch cụ thể chi tiết. Dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm. Công tác chỉ đạo điều hành các hoạt động của nhà trường một cách đồng bộ hiệu quả. Phát huy hiệu quả dân chủ trong trường học. Chất lượng chuyên môn nghiệp vụ bước đầu đáp ứng được yêu cầu đổi mới giáo dục, nhiều đồng chí có triển vọng tốt, năng động sáng tạo, mạnh dạn đổi mới tích cực ứng dụng CNTT trong giảng dạy đạt hiệu quả tốt. Phần lớn đạt chuẩn về đào tạo chuyên môn, có nghiệp vụ sư phạm tốt, yên tâm công tác, có tinh thần trách nhiệm cao. Hầu hết giáo viên là người sinh sống tại địa phương.

Chất lượng giáo dục đại trà ổn định và đang có những bước tiến khả quan.

Trường đã hoạt động ổn định theo loại hình trường PTDTBT, việc sinh hoạt, học tập bán trú của học sinh đã đi vào nề nếp tốt.

Trường đã đạt chuẩn Quốc gia từ tháng 11 năm 2018.

1.7. Điểm yếu:

Chất lượng tuyển sinh đầu vào lớp 6 hằng năm khá thấp, nên việc nâng cao chất lượng giáo dục, nhất là tỉ lệ học sinh có học lực Khá-Giỏi hết sức khó khăn.

Số lượng giáo viên mới ra trường còn trẻ chiếm tỉ lệ lớn nên kinh nghiệm dạy học và giáo dục còn nhiều hạn chế. Cơ cấu bộ môn chưa hợp lý, nhân viên còn thiếu, một người kiêm nhiệm nhiều công việc nên hiệu quả công việc chưa cao.

Nhiều gia đình học sinh có hoàn cảnh khó khăn nên phải lo kiếm sống nên ít có sự quan tâm đến con em. Một bộ phận học sinh chưa có tinh thần, thái độ, động cơ học tập đúng đắn. Một số em còn chây lười trong học tập, ý thức rèn luyện, học tập của một bộ phận học sinh còn nhiều hạn chế.

Trường đã được đầu tư xây dựng đồng bộ các công trình phục vụ đã nhiều năm, đến giai đoạn hiện nay đã bắt đầu xuống cấp, hư hỏng. Các công trình phục vụ cho học sinh bán trú còn chật hẹp so với yêu cầu. Nhiều hạng mục còn thiếu so với quy định mới của Bộ GD&ĐT, nguy cơ thiếu phòng học, phòng bộ môn trong các năm đến là điều hiện hữu.

2. Môi trường bên ngoài:

Trường PTDTBT THCS cum xã Chà Vài-Zuôich tuyển sinh học sinh ở địa bàn hai xã Chà Vài và Zuôich là những địa phương có truyền thống yêu nước, anh hùng trong chiến đấu bảo vệ tổ quốc. Tuy nhiên, là địa bàn thuộc vùng đặc biệt khó khăn, núi cao nên điều kiện kinh tế xã hội kém phát triển, dân cư chiếm hơn 98% là người dân tộc ít người (Cơ tu), đời sống chủ yếu dựa vào điều kiện tự nhiên, tỉ lệ hộ nghèo hằng năm chiếm gần 50% và việc giảm tỉ lệ này trong các năm đến là rất khó. Với những đặc điểm tự nhiên như vậy, việc phát triển công tác giáo dục gặp không ít trở ngại.

2.1. Thời cơ

Các cấp ủy Đảng, hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân huyện, xã và Phòng giáo dục đào tạo Nam Giang luôn quan tâm đến công tác giáo dục của nhà trường; có sự phối hợp chặt chẽ với các ban ngành đoàn thể địa phương.

Học sinh tham gia học tập tại trường nhận được nhiều sự quan tâm, đãi ngộ về các chế độ cho người học của Nhà nước.

Được phụ huynh học sinh và nhân dân tin tưởng, tín nhiệm, nhiệt tình hỗ trợ và tạo mọi điều kiện để tổ chức hoạt động giáo dục học sinh. Sự quan tâm của phụ huynh học sinh đến con cái ngày càng có sự chuyển biến tích cực.

2.2. Thách thức:

Mâu thuẫn giữa yêu cầu ngày càng cao về chất lượng, đổi mới chương trình giáo dục với ý thức, động cơ học tập; sự quan tâm của cha mẹ học sinh, sự phát triển kinh tế, xã hội trong thời kỳ hội nhập.

Địa bàn thuộc vùng có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn đời sống nhân dân còn nghèo. Các thiết chế văn hóa thiếu nhiều, đời sống tinh thần của nhân

dân nghèo nàn. Nhận thức của nhân dân và xã hội về công tác giáo dục trên địa bàn còn nhiều hạn chế.

Phụ huynh học sinh ít quan tâm đúng mức đến việc học tập của con em mình còn giao phó cho nhà trường. Nhận thức của xã hội về công tác giáo dục còn nhiều hạn chế. Những phong tục, tập quán lạc hậu, sự bất đồng về ngôn ngữ ảnh hưởng lớn đến công tác giáo dục.

Địa bàn tuyển sinh phân bố dân cư rộng, cách trở sông suối, đèo dốc nên việc đi lại gặp nhiều khó khăn.

Với sự hình thành cửa khẩu Quốc tế Nam Giang, cùng với sự thay đổi về kinh tế, các tệ nạn xã hội ngày càng nhiều và đạo đức của một bộ phận thanh thiếu niên sa sút ảnh hưởng không nhỏ đến công tác giáo dục.

3. Xác định các vấn đề ưu tiên:

Đẩy mạnh công tác Phổ cập giáo dục trên cơ sở đảm bảo chất lượng giáo dục đại trà; ưu tiên chống học sinh bỏ học, tập trung phụ đạo học sinh yếu kém. Phần đầu đạt được trường có chất lượng tốt để tiến đến mục tiêu đạt Kiểm định chất lượng giáo dục cấp độ 3 và đạt chuẩn Quốc gia mức độ 2 trong năm 2023 và duy trì chất lượng đến năm 2028 góp phần hoàn thành mục tiêu xây dựng nông thôn mới tại địa phương.

Xây dựng khối đoàn kết, phát huy tinh thần dân chủ công khai hoá. Xây dựng nề nếp kỷ cương trong nhà trường. Nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, giáo viên, nhân viên đủ tâm và tầm để thực hiện nhiệm vụ trong tình hình mới.

Đẩy mạnh việc ứng dụng CNTT, chuyên đổi số trong dạy, học và công tác quản lý để nâng cao chất lượng và hiệu quả.

Từng bước tham mưu, tranh thủ các nguồn lực để tu sửa, nâng cấp, xây dựng và mua sắm mới cơ sở vật chất theo hướng đủ, hiện đại đáp ứng yêu cầu đổi mới chương trình giáo dục phổ thông và công tác kiểm định chất lượng giáo dục, trường đạt chuẩn quốc gia.

Xây dựng văn hoá nhà trường, xây dựng môi trường giáo dục an toàn, thân thiện, trường học hạnh phúc. Bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp tại địa phương.

Tuyên truyền, vận động nâng cao nhận thức của học sinh, nhân dân và xã hội về công tác giáo dục.

III. TÂM NHÌN, SỨ MỆNH VÀ CÁC GIÁ TRỊ CỐT LÕI

1. Tầm nhìn:

Xây dựng một ngôi trường thân thiện, hạnh phúc, chất lượng, học sinh và giáo viên đều được tạo điều kiện học tập để phấn đấu vươn lên và cống hiến. Trường có chất lượng tốt nhất của huyện Nam Giang.

2. Sứ mệnh:

Tạo dựng được điều kiện dạy học chuẩn hóa, đảm bảo chất lượng, môi trường học tập thân thiện, có chất lượng giáo dục tốt, để mỗi học sinh đều có cơ hội phát triển hết tài năng của mình, trở thành công dân tốt cho xã hội.

3. Các giá trị cốt lõi:

Tinh thần đoàn kết, cộng đồng.

Lòng nhân ái

Sự nỗ lực- Khát vọng vươn lên

Tinh thần trách nhiệm

Sáng tạo và hợp tác.

Bản sắc văn hóa truyền thống địa phương

IV. MỤC TIÊU, CHỈ TIÊU VÀ PHƯƠNG CHÂM HÀNH ĐỘNG

1. Mục tiêu.

1.1. Mục tiêu tổng quát:

Xây dựng nhà trường có uy tín về chất lượng giáo dục, có môi trường học tập tốt, chuẩn hóa, phù hợp với xu thế phát triển của đất nước, địa phương và Chương trình Giáo dục phổ thông 2018.

Trong năm 2023, đạt kiểm định chất lượng giáo dục cấp độ 3, trường chuẩn quốc gia mức độ 2 và duy trì đến năm 2028.

1.2. Các mục tiêu cụ thể:

Mục tiêu ngắn hạn: Trong năm học 2023-2024, tham mưu hoàn thiện mở rộng, nâng cấp các điều kiện phục vụ học sinh bán trú; nâng cấp sân trường, tường rào, hệ thống cống thoát nước. Đề nghị kiểm tra đánh giá ngoài Kiểm định chất lượng giáo dục và trường chuẩn Quốc gia

Mục tiêu trung hạn đến 2025: Đảm bảo đủ các phòng học theo quy mô phát triển mạng lưới học sinh; Đủ các phòng bộ môn, chức năng, phục vụ theo quy định của Bộ GD&ĐT. Xây dựng 100% đội ngũ CBGVNV đạt chuẩn theo Luật Giáo dục 2019.

Mục tiêu dài hạn: Duy trì và nâng cao kết quả Kiểm định chất lượng giáo dục và trường chuẩn Quốc gia đến năm 2028, xây dựng Thư viện đạt mức 2.

2. Chỉ tiêu.

2.1. Đội ngũ cán bộ, giáo viên, nhân viên:

Đến cuối năm 2024: 100% GV đạt trình độ chuẩn theo Luật Giáo dục 2019.

Hàng năm cán bộ quản lý, giáo viên được đánh giá chuẩn nghề nghiệp đạt loại khá, trở lên tốt trên 90%.

Giáo viên sử dụng thành thạo máy tính và các phần mềm ứng dụng trong giảng dạy và công tác đạt 100%. Đến năm 2025, phần đầu số tiết dạy bằng bài giảng điện tử ứng dụng công nghệ thông tin đạt trên 80%.

Có đủ số lượng nhân viên theo quy định vị trí việc làm, đảm bảo đạt chuẩn về trình độ.

Tỉ lệ Đảng viên trong trường học chiếm tỉ lệ 50% trở lên.

2.2. Học sinh:

Về chất lượng Hạnh kiểm (Rèn luyện): 100% xếp loại tốt và khá.

Về chất lượng Học lực (Học tập)

+ Học sinh giỏi : < 5%.

+ Học sinh khá : < 35%

+ Học sinh yếu : < 3; Không có học sinh kém.

+ Học sinh lưu ban : < 1%.

Học sinh bỏ học : < 1 %.

Tốt nghiệp THCS hằng năm : 100%.

Học sinh giỏi cấp huyện: 2 giải/năm.

Hàng năm có học sinh thi đỗ vào trường PTDTNT tỉnh Quảng Nam hoặc trường chuyên bằng hình thức thi tuyển.

2.3. Cơ sở vật chất:

Khu phòng học, khu hiệu bộ, khu thí nghiệm thực, nhà đa năng, nhà ở học sinh, công trình vệ sinh, khu vui chơi, sân tập thể dục thể thao được đầu tư, sửa chữa nâng cấp; trang bị các thiết bị phục vụ dạy, học và làm việc đạt chuẩn.

Nâng cấp sân trường, tường rào, hệ thống cống thoát nước; mở rộng nhà ăn, nhà bếp cho học sinh bán trú.

Đảm bảo cơ sở vật chất đạt mức 1 theo Thông tư 13/2020 của bộ GD&ĐT.

Xây dựng môi trường sư phạm “ Xanh - Sạch - Đẹp - An toàn”

3. Phương châm hành động:

“Chất lượng giáo dục là uy tín, danh dự của nhà trường”

V. CHƯƠNG TRÌNH HÀNH ĐỘNG

1. Dự báo mạng lưới học sinh, nguồn nhân lực và cơ sở vật chất

1.1. Dự báo quy mô mạng lưới học sinh đến năm 2028:

Chỉ số	Năm học 2023-2024	Năm học 2024-2025	Năm học 2025-2026	Năm học 2026-2027	Năm học 2027-2028

Tổng số HS/lớp	329/9	339/9	360/10	396/11	388/11
- Khối lớp 6/lớp	98/3	88/2	95/3	115/3	90/3
- Khối lớp 7/lớp	79/2	98/3	88/2	95/3	115/3
- Khối lớp 8/lớp	74/2	79/3	98/3	88/2	95/3
- Khối lớp 9/lớp	78/2	74/2	79/2	98/3	88/2
Bán trú	210	215	225	250	245
Tỷ lệ bình quân HS/lớp	36,5	37,7	36,0	36,0	35,2

1.2. Xác định số lượng, cơ cấu đội ngũ CBQL, GV, NV cần bổ sung theo lộ trình thực hiện CT GDPT 2018

Năm học Đội ngũ	Số lượng hiện có	Nhu cầu				
		2023-2024	2024-2025	2025-2026	2026-2027	2027-2028
Số lớp học	8	9	9	10	11	11
Cán bộ quản lý	2	2	2	2	2	2
Hiệu trưởng	1	1	1	1	1	1
Phó hiệu trưởng	1	1	1	1	1	1
TPT Đội	1	1	1	1	1	1
Giáo viên	17	19	19	21	24	24
Nhân viên	4	5	5	5	5	5
Thư viện -TB - CNTT	2	2	2	2	2	2
Kế toán – Văn thư	1	2	2	2	2	2
Y tế - thủ quỹ	1	1	1	1	1	1

1.3. Xác định số lượng phòng học; phòng hỗ trợ học tập và phòng hành chính quản trị:

STT	Các hạng mục công trình	Hiện có	Cần có	Bổ sung
1	Khối phòng học tập	12	19	7
1.1	Phòng học	8	11	3
1.2	Phòng học bộ môn Âm nhạc		1	1
1.3	Phòng học bộ môn Mỹ thuật		1	1
1.4	Phòng học bộ môn Công nghệ	1	1	
1.5	Phòng học bộ môn Khoa học tự nhiên	1	1	
1.6	Phòng học bộ môn Tin học	1	1	
1.7	Phòng học đa chức năng		1	1

1.8	Phòng học bộ môn Khoa học xã hội	1	2	1
2	Khối phòng hỗ trợ học tập	3	6	3
2.1	Thư viện	1	1	
2.2	Phòng thiết bị giáo dục		2	2
2.3	Phòng tư vấn học đường và hỗ trợ giáo dục học sinh khuyết tật học hòa nhập		1	1
2.4	Phòng Đoàn, Đội	1	1	
2.5	Phòng truyền thống	1	1	
3	Khối phụ trợ	16	20	4
3.1	Phòng họp	1	1	
3.2	Phòng các tổ chuyên môn	2	2	
3.3	Phòng y tế trường học	1	1	
3.4	Nhà kho	4	4	
3.5	Khu để xe học sinh	1	2	
3.6	Khu vệ sinh học sinh	1	2	1
3.7	Phòng nghỉ giáo viên	1	1	
3.8	Phòng giáo viên		2	2
3.9	Nhà công vụ cho giáo viên	5	5	
4	Khu sân chơi, thể dục thể thao	3	3	
4.1	Sân trường	1	1	
4.2	Sân thể dục thể thao	1	1	
4.3	Nhà đa năng	1	1	
5	Khối phục vụ sinh hoạt	18	34	16
5.1	Nhà bếp	1	1	
5.2	Kho thực phẩm		1	1
5.3	Nhà ăn	1	1	
5.4	Phòng ở nội trú	16	28	12
5.5	Phòng quản lý học sinh		1	1
5.6	Phòng sinh hoạt chung		1	1
5.7	Nhà văn hóa		1	1

VI. CÁC GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

1. Giải pháp chung

Tuyên truyền trong CBGVNV, học sinh và phụ huynh học sinh về nội dung Chiến lược xây dựng và phát triển trên mọi phương tiện thông tin, lấy ý kiến đề thống nhất nhận thức và hành động của tất cả các thành viên có liên quan trong

trường theo các nội dung xây dựng. Phát huy truyền thống đoàn kết, nhất trí của toàn trường để quyết tâm thực hiện được các mục tiêu của Chiến lược.

Xây dựng Văn hoá nhà trường hướng tới các giá trị cốt lõi đã nêu ở trên.

Tăng cường gắn kết có hiệu quả giữa nhà trường với phụ huynh học sinh các cơ quan, đoàn thể doanh nghiệp, nhà tài trợ và cộng đồng tại địa phương.

Đẩy mạnh tuyên truyền, phát huy truyền thống nhà trường, nêu cao tinh thần trách nhiệm của mỗi thành viên đối với quá trình xây dựng thương hiệu của nhà trường.

2. Giải pháp cụ thể

2.1. Thể chế và chính sách:

Xây dựng cơ chế tự chủ và tự chịu trách nhiệm về tổ chức bộ máy, nhân sự, tài chính và quy chế chi tiêu nội bộ theo hướng phát huy nội lực, khuyến khích phát triển cá nhân và tăng cường hợp tác với bên ngoài.

Hoàn thiện hệ thống các quy định, quy chế về mọi hoạt động trong trường học mang tính đặc thù của trường đảm bảo sự thống nhất.

2.2. Tổ chức bộ máy:

Xây dựng Đề án vị trí việc làm hợp lý theo từng giai đoạn, kiện toàn cơ cấu tổ chức, phân công bố trí lao động hợp lý, phát huy năng lực, sở trường của từng CBGVNV phù hợp với yêu cầu giảng dạy và công việc lao động.

Thực hiện phân cấp quản lý theo hướng tăng quyền chủ động cho các tổ chuyên môn, nghiệp vụ.

Thành lập các tổ công tác để giúp việc cho nhà trường trong từng lĩnh vực hoạt động.

2.3. Công tác xây dựng đội ngũ :

Xây dựng đội ngũ cán bộ, giáo viên, nhân viên đủ về số lượng; có phẩm chất chính trị; có năng lực chuyên môn khá, giỏi; có trình độ Tin học, ngoại ngữ cơ bản, có phong cách sư phạm mẫu mực. Đoàn kết, tâm huyết, gắn bó với nhà trường, hợp tác, giúp đỡ nhau cùng tiến bộ.

Quy hoạch, đào tạo và bồi dưỡng cán bộ giáo viên theo hướng sử dụng tốt đội ngũ hiện có, đáp ứng được yêu cầu của công việc.

Định kỳ đánh giá chất lượng hoạt động của cán bộ giáo viên thông qua các tiêu chí về hiệu quả, đóng góp cụ thể của cán bộ giáo viên đối với sự phát triển của nhà trường. Trên cơ sở đó sẽ đề bạt, khen thưởng xứng đáng đối với những cán bộ giáo viên, nhân viên có thành tích xuất sắc.

Đầu tư có trọng điểm để phát triển đội ngũ cán bộ giáo viên đầu đàn, cán bộ giáo viên trẻ trẻ, người địa phương, có tài năng bố trí vào các vị trí chủ chốt của nhà trường.

Tạo môi trường làm việc năng động, thi đua lành mạnh, đề cao tinh thần hợp tác và chia sẻ với những điều kiện làm việc tốt nhất để mỗi cán bộ giáo viên, nhân viên đều tự hào, muốn cống hiến và gắn kết với nhà trường.

Chăm lo tới đời sống của cán bộ, giáo viên, nhân viên theo đúng chế độ chính sách hiện hành, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.

2.4. Nâng cao chất lượng giáo dục:

Nâng cao chất lượng và hiệu quả giáo dục toàn diện, đặc biệt là chất lượng giáo dục đạo đức và chất lượng văn hoá. Tăng cường giáo dục truyền thống, tuyên truyền giáo dục về phòng chống tệ nạn xã hội, an toàn giao thông, an toàn học đường, giáo dục dân số và vệ sinh môi trường; thực hiện tốt giáo dục thể chất. Đổi mới phương pháp dạy học và đánh giá học sinh phù hợp với mục tiêu, nội dung chương trình và đối tượng, phát triển năng lực học sinh. Đổi mới các hoạt động giáo dục, hoạt động tập thể, các hoạt động trải nghiệm sáng tạo, hoạt động xã hội, gắn học với hành, lý thuyết với thực tiễn; giúp học sinh có mục tiêu sống đúng, có được những kỹ năng sống cơ bản.

Định kỳ rà soát, đổi mới, kiểm định chất lượng chương trình giáo dục, nội dung và phương pháp giảng dạy theo xu hướng linh hoạt, hiện đại phù hợp với đổi mới giáo dục.

Thực hiện tốt việc tự đánh giá, kiểm định chất lượng giáo dục.

Chất lượng dạy – học và hiệu quả giáo dục là thước đo năng lực, phẩm chất, trí tuệ, tính trung thực, cái tâm và tài của người thầy. Mọi hoạt động, mọi việc làm của nhà giáo đều phải hướng đến đích là người học.

2.5. Xây dựng cơ sở vật chất:

Đầu tư có trọng điểm để sửa chữa nâng cấp hiện đại hoá các phòng học, các phòng học bộ môn, khu làm, khu vui chơi thể dục thể thao và khu nội trú học sinh và các công trình phụ trợ khác.

Tiếp tục đầu tư máy tính và các thiết bị đảm bảo cho việc ứng dụng công nghệ thông tin, xây dựng mạng thông tin quản lý, giám sát giữa giáo viên, các tổ chuyên môn, sinh hoạt học sinh với nhà trường liên thông qua hệ thống nối mạng Lan và Internet.

Trước mắt cần tập trung đầu tư mở rộng, nâng cao các điều kiện sinh hoạt cho học sinh bán trú; nâng cấp sân chơi, hệ thống thoát nước và trường rào, cổng trường.

2.6. Kế hoạch - tài chính:

Xây dựng kế hoạch hoạt động và phát triển hàng năm của từng tổ chuyên môn, nghiệp vụ, các bộ phận và nhà trường.

Xây dựng Quy chế chi tiêu nội bộ hợp lý, và minh bạch các nguồn thu, chi.

Tìm kiếm sự hỗ trợ tài chính từ các tổ chức, cá nhân khác.

2.7. Công tác truyền thông, chuyển đổi số:

Cung cấp các thông tin về hoạt động giáo dục của trường qua các hội thảo, diễn đàn trao đổi, phương tiện truyền thông, mạng internet,... Khuyến khích giáo viên tham gia tích cực vào các sự kiện, các hoạt động của cộng đồng.

Xây dựng thương hiệu và tín nhiệm của xã hội đối với Nhà trường. Xác lập tín nhiệm thương hiệu đối với từng cán bộ giáo viên, nhân viên.

Đẩy mạnh tuyên truyền, phát huy truyền thống Nhà trường, nêu cao tinh thần trách nhiệm của mỗi thành viên đối với quá trình xây dựng thương hiệu của Nhà trường.

Sử dụng các phần mềm quản lý nhà trường, quản lý chuyên môn dạy học hướng đến nhà trường không sử dụng giấy.

VII. TỔ CHỨC THEO DÕI, KIỂM TRA ĐÁNH GIÁ VIỆC THỰC HIỆN

1. Phổ biến Chiến lược: Chiến lược được phổ biến rộng rãi tới toàn thể cán bộ giáo viên, nhân viên nhà trường, Phòng giáo dục, phụ huynh học sinh và lãnh đạo địa phương.

2. Tổ chức theo dõi: Ban chỉ đạo thực hiện Chiến lược là bộ phận chịu trách nhiệm điều phối quá trình triển khai. Điều chỉnh Chiến lược sau từng giai đoạn sát với tình hình thực tế của nhà trường.

3. Lộ trình thực hiện kế hoạch chiến lược

*Giai đoạn 1: Từ năm 2023 - 2024

*Giai đoạn 2: Từ năm 2025 - 2026

*Giai đoạn 3: Năm 2026 - 2038

4. Đối với Hiệu trưởng

Tổ chức triển khai thực hiện Chiến lược tới từng cán bộ, giáo viên, nhân viên, học sinh và phụ huynh học sinh.

Thành lập Ban kiểm tra và đánh giá thực hiện trong từng năm học.

Tổ chức đánh giá thực hiện kế hoạch hành động hằng năm của toàn trường và thực hiện Chiến lược phát triển theo từng giai đoạn.

5. Đối với Phó Hiệu trưởng

Theo nhiệm vụ được phân công, giúp Hiệu trưởng tổ chức triển khai từng phần việc cụ thể, đồng thời kiểm tra và đánh giá kết quả thực hiện Chiến lược, đề xuất những giải pháp để thực hiện.

6. Đối với tổ trưởng chuyên môn

Căn cứ Chiến lược, kế hoạch năm học của nhà trường để xây dựng kế hoạch công tác của tổ.

Tổ chức thực hiện kế hoạch trong tổ; kiểm tra đánh giá việc thực hiện kế hoạch của các thành viên, tìm hiểu nguyên nhân, đề xuất các giải pháp để thực hiện kế hoạch.

Xây dựng kế hoạch hành động cụ thể (từng năm) của tổ, trong đó mỗi hoạt động cần nêu rõ mục tiêu cần đạt, kết quả, hiệu quả, thời gian và các nguồn lực thực hiện.

Triển khai thực hiện nội dung bồi dưỡng thường xuyên hàng năm, nâng cao năng lực giảng dạy bộ môn và giáo dục học sinh.

7. Các tổ chức đoàn thể trong trường

Hàng năm, xây dựng chương trình hành động thực hiện các nội dung liên quan trong vấn đề thực hiện Chiến lược phát triển nhà trường.

Tuyên truyền, vận động mọi thành viên của tổ chức mình thực hiện tốt các nội dung và giải pháp trên, góp ý với nhà trường điều chỉnh, bổ sung những nội dung phù hợp để có thể thực hiện tốt phương hướng, chiến lược của nhà trường.

8. Ban đại diện cha mẹ học sinh:

Tham gia góp ý việc triển khai thực hiện Chiến lược; cộng tác với nhà trường trong các hoạt động giáo dục, xây dựng, tăng cường cơ sở vật chất và vận động xã hội hóa giáo dục; cùng với nhà trường tuyên truyền vận động các bậc cha mẹ học sinh và nhân dân tạo sự đồng thuận và ủng hộ việc thực hiện mục tiêu kế hoạch chiến lược phát triển nhà trường, quan tâm chăm sóc và tạo điều kiện tốt để con em học tập, được rèn luyện ở trường học và có điều kiện vươn lên trong cuộc sống.

Tăng cường giáo dục gia đình, vận động cha mẹ học sinh quan tâm phối kết hợp chặt chẽ với nhà trường và các lực lượng giáo dục khác trong việc giáo dục con em.

9. Đối với cá nhân cán bộ, giáo viên, nhân viên

Căn cứ Chiến lược, kế hoạch năm học của nhà trường để xây dựng kế hoạch công tác cá nhân theo từng năm học. Báo cáo kết quả thực hiện kế hoạch theo từng học kỳ, năm học. Đề xuất các giải pháp để thực hiện Chiến lược hiệu quả.

VIII. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ:

1. Đối với Phòng Giáo dục và Đào tạo:

Phê duyệt Chiến lược, tạo điều kiện cho trường thực hiện nội dung theo đúng kế hoạch, các hoạt động của nhà trường phù hợp với chiến lược phát triển.

Hỗ trợ, hướng dẫn, phân bổ về cơ chế chính sách, tài chính và nhân lực để thực hiện các mục tiêu của Chiến lược.

2. Đối với chính quyền địa phương, UBND huyện Nam Giang:

Hỗ trợ tài chính hoạt động, nguồn nhân lực và đầu tư xây dựng trường lớp cho nhà trường để thực hiện Chiến lược phát triển giáo dục.

Gắn kết việc xây dựng nông thôn mới với công tác Kiểm định CLGD và xây dựng trường đạt chuẩn Quốc gia.

Trên đây là Chiến lược phát triển giáo dục giai đoạn 2023-2024 và tầm nhìn đến 2028 của trường PTDTBT THCS cụm xã Chà Vål-Zuôich./.

Nơi nhận:

- Phòng GD&ĐT Nam Giang;
- UBND xã Chà Vål, xã Zuôich;
- Lưu VT.

HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Lương Mỹ

PHÂN PHÊ DUYỆT CỦA CẤP TRÊN

PHÒNG GD&ĐT NAM GIANG

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ CHÀ VÀL